PHẦN 4: ADO.NET

- 1. Trong ADO.NET, không gian tên System.Data không chứa lớp:
- A. DataTable
- B. DataRelation
- C. DataSet
- D. Tất cả các câu trên đều đúng
- 2. Để thực thi giá trị đơn, ta dùng phương thức nào sao đây của đối tượng command:
- A. ExecuteReader()
- B. ExecuteScalar()
- C. ExecuteXmlReader()
- D. ExecuteNoneQuery()
- 3. Thành phần nào không phải là thuộc tính của đối tượng Data Adapter:
- A. SQLCommand
- B. DeleteCommand
- C. UpdateCommand
- D. InsertCommand
- 4. Thành phần nào là thuộc tính của đối tượng Data Adapter:
- A. DeleteCommand
- B. UpdateCommand
- C. SelectCommand
- D. Tất cả đều đúng
- 5. Một điều khiển DataAdapter dùng phương thức nào dưới đây để nạp một DataSet
- A. Fill()
- B. ExecuteQuery()
- C. Read()
- D. Tất cả đều đúng
- 6. Phương thức nào sau đây của Data Set dùng để cập nhật dữ liệu:
- A. Fill
- B. AcceptChanges
- C. RejectChange
- D. Update
- 7. Các phương thức của đối tượng command là:
- A. Phương thức ExecuteReader: Thực hiện câu lệnh kết quả trả về đối tượng DataReader
- B. Phương thức ExcuteNoneQuery: Thực hiện câu lệnh như Insert, Update, Delete, Create,... và không có giá trị trả về
- C. Phương thức ExcuteScalar:Trả về từ phát biểu SQL dạng Select chỉ có một giá trị đơn.
- D. Cả B và C đều đúng
- 8. Dùng phương thức nào để thực hiện lệnh thêm, xóa, sửa . . . dữ liệu
- A. ExecuteNonQuery
- B. ExecuteReader
- C. ExecuteScalar

- D. ExecuteReadOnly
- 9. Trong một ứng dụng ASP.Net, khi dùng đối tượng SqlCommand để gọi stored procedure lấy ra danh sách các khách hàng có những đơn hàng trị giá trên 50 triệu từ CSDL trong MS SQL Server 2005, chúng ta gọi phương thức:
- A. ExecuteReader.
- B. ExecuteNonQuery.
- C. ExecuteMyReader.
- D. ExecuteScalar.
- 10. Trong một ứng dụng ASP.Net, khi dùng đối tượng SqlCommand để gọi stored procedure tạo một bảng CSDL trong MS SQL Server 2005, chúng ta gọi phương thức:
- A. ExecuteReader.
- B. ExecuteNonQuery.
- C. ExecuteMyReader.
- D. ExecuteScalar.
- 11. Ứng dụng ASP.NET có kết nối với SQL Server 2005 trên một máy tính có tên là MyComp. CSDL cần kết nối là myDatabase và table được sử dụng là myTable. User được phép kết nối đến CSDL này là myUser và mật khẩu là myPassword. Connection String nào sau đây có thể dùng cho kết nối SqlConnection này:
- A. "server=myComp; source=myDatabase.myTable; uid=myUser; pwd=myPassword".
- B. "server=myComp; database=myDatabase; uid=myUser; pwd=myPassword".
- C. "server=myComp; database=myDatabase; table=myTable; uid=myUser; pwd=myPassword".
- D. "server=myComp; database=myDatabase/myTable; uid=myUser; pwd=myPassword".
- 12. Ứng dụng ASP.Net có kết nối với MS SQL Server 2005 của máy tính đang chứa ứng dụng ASP.net này. CSDL cần kết nối là myDatabase và table được sử dụng là myTable. User được phép kết nối CSDL này là myUser, mật khẩu của myUser là myPassword. Connection String nào sau đây có thể dùng cho SqlConnection này:
- A. "Data Source=(local); Initial Catalog=myDatabase; User ID=myUser; Password = myPassword"
- B. "server=(local); database=myDatabase; uid=myUser; pwd=myPassword".
- C. "server=(local); database=myDatabase/myTable; uid=myUser; pwd=myPassword". c. "server=(local); source=myDatabase.myTable; uid=myUser; pwd=myPassword".
- D. Tất cả đều đúng
- 13. Trong một trang ASP.Net có đoạn code cần tính tổng số tiền nợ của khách hàng từ CSDL với đối tượng SqlCommand. Ta phải dùng phương thức nào để truy vấn CSDL có kết quả đúng và tốt nhất.
- A. Read.
- B. ExecuteNonQuery
- C. ExecuteScalar
- D. ExecuteReader
- 14. Lệnh SQL nào dùng để thêm một dòng mới vào một bảng trong cơ sở dữ liệu:
- A. Insert New
- B. Add Row
- C. Insert Row

D. Insert Into

- 15. Đối tượng transaction được tạo bởi phương thức nào:
- A. NewTransaction
- B. StartTransaction
- C. BeginTransaction
- D. CreateTransaction
- 16. Chúng ta sử dụng giao dịch khi:
- A. Lập trình các ứng dụng thương mại điện tử
- B. Lập trình các ứng dụng cơ sở dữ liệu phức tạp
- C. Thực hiện nhiều lệnh cơ sở dữ liệu như một lệnh
- D. Tất cả đều đúng
- 17. Lệnh dùng để hoàn tất một giao dịch là:
- A. Finish
- B. Commit
- C. Rollback
- D. Update